

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2025
Về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Dân.
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Doãn Xuân, bà Võ Thị Hồng Long.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2015/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2015 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-DS ngày 30/7/2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Đặng Đình Q – Sinh năm: 1948

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 6 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An – Có mặt.

** Bị đơn:* Ông Bùi Trí H - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An – Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Trí H: Bà Trần Thị P – Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An – Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1952

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 6 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An – Có mặt.

2. Anh Đặng Đình T – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Đội sản xuất 9, Trung đoàn 52, Đoàn 337, Quân khu IV, xã H,

huyện H, (nay là xã H), tỉnh Quảng Trị – Có mặt.

3. Chị Đặng Thị Q – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: K01 – 64/17 đường L, phường A, quận Thanh Khê (nay là phường A), thành phố Đà Nẵng – Vắng mặt (có giấy ủy quyền cho ông Q, bà Huê tham gia tố tụng).

4. Anh Đặng Đình N – Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 6 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (có giấy ủy quyền cho ông Q, bà Huê tham gia tố tụng).

5. Chị Đặng Thị M – Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 50 đường N, phường P, Bắc Từ Liêm (nay là phường Phú Diễn), thành phố Hà Nội (có giấy ủy quyền cho ông Q, bà Huê tham gia tố tụng).

Đại diện theo ủy quyền của Anh Đặng Đình T, Anh Đặng Đình N, Chị Đặng Thị Q, Chị Đặng Thị M: Ông Đặng Đình Q, bà Nguyễn Thị H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:*

1. Bà Trần Thị P – Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An – Có mặt;

2. Anh Bùi Trí H – Sinh năm: 1991 – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

3. Anh Bùi Trí C – Sinh năm: 1997 – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

4. Chị Bùi Thị H – Sinh năm: 1993 – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện Anh Sơn (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An;

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác:*

Ông Nguyễn Văn M – sinh năm: 1960

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện Anh Sơn (nay thôn 4 Kim Nhan, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Đình Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Đình Thuận trình bày:

Năm 1989 gia đình ông Q vào khu vực H - Cồn S nhận đất bảo vệ rừng và trồng chè. Đến năm 1991, gia đình ông Q được nhà nước giao đất với diện tích 3,0 ha. Năm 1997, thực hiện việc cấp đổi Lâm bạ theo Nghị định 163/NĐ-CP đã

tiến hành đo đạc và cấp đổi lâm bạ cho gia đình ông, diện tích 3,38 ha. Hiện nay, thửa đất đã được tách làm hai thửa là thửa đất số 158 diện tích 4977m² và thửa đất số 172 diện tích 25664m². Cùng thời điểm nhận đất bảo vệ rừng có nhiều hộ gia đình khác cùng vào làm, trong đó có gia đình ông Bùi Văn Thỏa được cấp 01 ha, phần đất của ông Th gần đường cái và dốc cả hai phía nên ông Th sang nói với ông Q để mượn một phần đất của gia đình ông Q để làm thì ông Q đồng ý (diện tích cho mượn khoảng 800 m², gọi là phần đất bằng), ông Th đã tiến hành trồng chè trên phần đất đó. Sau này, ông Q thấy ông Đặng Đình Hiến đã canh tác, sử dụng phần diện tích đất của ông Th được cấp và sử dụng luôn cả phần đất mà ông Q đã cho ông Th mượn. Theo ông Q, về phần đất bằng (800 m²), tuy ông H không có hành vi lấn chiếm nhưng phần đất này là phần đất mà ông Q đã cho ông Th mượn. Khi ông Th bàn giao đất cho ông H không đề cập việc ông Th đang mượn đất của ông Q và ông Q không biết việc ông Th sang nhượng đất cho ông H. Nay ông Th không sử dụng nữa thì ông H phải trả lại.

Đến năm 1999, gia đình ông H lấn chiếm ở phần đất dốc (đất triền đồi), chặt bỏ cây tự nhiên và trồng cây trên đất lấn chiếm khoảng 1000 m². Theo ông Q, diện tích đất mà ông H đã sử dụng trái phép là khoảng 1800 m² thuộc các thửa đất 172, 158 đã cấp cho gia đình ông Q.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q mong muốn thỏa thuận với ông H mở con đường rộng khoảng 3m tại phần đất đang tranh chấp giữa hai gia đình, nếu không được chấp nhận thì đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Bùi Trí H thu hoạch diện tích keo đã trồng và trả lại 1800m² đất thuộc các thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại khu vực H, Cồn S, xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn ông Bùi Trí H; người có quyền lợi liên quan Bà Trần Thị P trình bày:* Cuối năm 1990, ông Bùi Văn Thỏa được nhà nước giao đất. Do ông Th không có nhu cầu sử dụng đất nên đã bàn giao lại đất cho vợ chồng ông H bà Phúc, đồng thời vợ chồng ông H phải thay ông Th thanh toán 50% chi phí đầu tư chè mà ông Th còn nợ nhà nước. Sau khi tiếp quản đất thì gia đình ông H được nhà nước cấp sổ lâm bạ năm 1997, thửa đất được giao là lô số 37, khoảnh 1, tiểu khu 929 với diện tích ghi tại sổ lâm bạ là 1,71 ha. Từ khi nhận đất đến nay, gia đình ông H chỉ sử dụng đúng ranh giới, mốc giới đã được giao và không lấn chiếm đất của ông Q. Tại phần đất bằng thì ông Q đã đào hào làm ranh giới giữa chủ cũ (ông Th) với phần đất ông Q sử dụng. Ở phần đất dốc là ranh giới cũ có từ khi được giao đất, năm 1999 ông H chặt bỏ cây tự nhiên để canh tác. Cả quá trình sử dụng đất phía ông Q không có ý kiến gì, mãi đến năm 2015 mới sinh chuyện. Nay ông H, bà Phúc không đồng ý với việc ông Q khởi kiện và không đồng ý với đề xuất của ông Q là mở con đường tại khu đất đang tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, Chị Đặng Thị Q, Chị Đặng Thị M, Anh Đặng Đình N trình bày: Thống nhất về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nay yêu cầu bị đơn trả lại 1800m² đất thuộc các thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại khu vực H, Cồn S, xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là Anh Bùi Trí H, Anh Bùi Trí C, Chị Bùi Thị H trình bày: Thống nhất như nội dung trình bày của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M trình bày: Do có liên quan đến việc sử dụng đất chồng lấn nên Tòa án đã báo gọi ông Minh đến làm việc. Cụ thể: Một phần đất đang tranh chấp (phần đất dốc triền đồi) giữa ông Q với ông H theo bản đồ thuộc thửa đất 186. Ngoài ra, ở phần không tranh chấp giữa các bên, ông Q đang sử dụng 4047,6 m² đất, ông H sử dụng 406 m² cũng đều thuộc thửa 186 – tờ bản đồ số 1, địa danh Hóp Lở - Cồn S thuộc thôn 16 (nay là thôn 6), xã P huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đất được quy chủ là đất của ông Nguyễn Văn M. Hiện tại bản thân ông Minh thấy đất đồi giá trị không cao, hơn nữa vì tình nghĩa xóm làng nên ông Minh không có ý kiến gì và không có ý định khởi kiện tranh chấp đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án đã được thụ lý, giải quyết theo đúng trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện nhiệm vụ đúng quy định do pháp luật quy định; Các đương sự thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại 1800m² đất thuộc các thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại khu vực H, Cồn S, xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp

là Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời các loại cây cối trên diện tích đất có tranh chấp theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, đối tượng tranh chấp là phần diện tích đất thuộc các thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại thôn 16 cũ (thôn 9 mới), xã P, huyện Anh Sơn (Nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Nghệ An) đã thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Đặng Thị Q, Anh Đặng Đình N, Chị Đặng Thị M, Anh Bùi Trí H, Anh Bùi Trí C, Chị Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn M vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 1800m² đất và di dời các loại cây cối trên diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại thôn 16, xã P, huyện Anh Sơn (Nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An để trả lại đất cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trả lại 1800m² đất và di dời các loại cây cối trên diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại thôn 16, xã P, huyện Anh Sơn (Nay là thôn 9, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn thống nhất với ý kiến của bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp:

Nguyên đơn trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 172 và thửa đất số 158, có nguồn gốc do gia đình ông Đặng Đình Q được nhà nước giao từ năm 1989, Sổ lâm bạ số 22 cấp ngày 23/9/1991, diện tích cấp trong sổ là 3,00 ha. Đến năm 1997 thì được cấp đổi thành hồ sơ giao đất lâm nghiệp số 377 ngày 19/9/1997, mang tên Đặng Đình Q, diện tích 3,38ha.

Bị đơn trình bày: Năm 1989, ông Bùi Văn Thỏa được nhà nước giao đất, thời gian sau do không có nhu cầu nên ông Th chuyển quyền sử dụng cho gia đình ông Bùi Trí H theo “Giấy giao nhận kế thừa vùng rẫy chè công nghiệp” lập

ngày 25/12/1990 đã được UBND xã P xác nhận. Đến năm 1997, được cấp Hồ sơ giao đất Lâm nghiệp đăng ký số 378 ngày 19/9/1997, diện tích được giao là 1,71ha, thuộc lô số 37, khoảnh 1, tiểu khu 929 tại xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

[2.2] Về diện tích, hiện trạng và ranh giới:

[2.2.1] Về diện tích:

- Đối với thửa đất số 172 và thửa đất số 158: Từ khi được Nhà nước giao đất, ông Đặng Đình Q sử dụng thửa đất số 172 và thửa đất số 158 vào mục đích trồng chè và cây công nghiệp. Tại các phiếu kiểm kê thể hiện quá trình sử dụng đất của ông Đặng Đình Q:

- Thửa đất số 172, khoảnh 9, số lô 17, lô 6, diện tích: 0.22 ha;
- Thửa đất số 172, khoảnh 6, số lô 107, lô 5, diện tích: 1,16 ha;
- Thửa đất số 158, khoảnh 6, số lô 100, lô 2, diện tích: 0.3 ha;
- Thửa đất số 158, khoảnh 6, số lô 96, lô 1, diện tích: 0,2 ha;

Tổng diện tích theo phiếu kiểm kê là 3,07 ha.

Diện tích được cấp theo lâm bạ năm 1991 là 3 ha, diện tích theo hồ sơ đất lâm nghiệp năm 1997 là 3,38 ha.

Theo sổ mục kê: Thửa đất số 172 có diện tích 25.664m², thửa đất số 158 có diện tích 4977m², tổng diện tích theo sổ mục kê của hai thửa đất là 30.641m² (= 3,0641ha).

Diện tích theo hiện trạng hai thửa đất ông Q đang sử dụng trên thực tế là 31.212,8m².

Diện tích chênh lệch do sai số trong quá trình đo đạc.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ lâm bạ Hộ gia đình mang tên Đặng Đình Q, số 22, lập ngày 23/9/1991; Hồ sơ giao đất lâm nghiệp số 377 ngày 19/9/1997; Bản photo trang số 20, 118 Sổ mục kê; Thông báo về việc quyết toán năm 1999 và các phiếu kiểm kê từng lô rừng; Giấy xác nhận điều chỉnh ranh giới thỏa thuận hai hộ.

- Đối với thửa đất gia đình ông Bùi Trí H sử dụng nằm trong thửa đất số 185: Sau khi nhận chuyển giao đất từ ông Bùi Văn Thỏa, ông Bùi Trí H sử dụng với mục đích để ở, canh tác, trồng chè và các loại cây công nghiệp. Theo Hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm 1997, thửa đất có diện tích 1,71ha.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Hồ sơ giao đất Lâm nghiệp đăng ký số 378 ngày 19/9/1997, Giấy giao nhận kế thừa vùng rừng chè công nghiệp 25/12/1990; Giấy cam kết nhượng đất vườn ở ngày 25/12/1990.

[2.2.2] Hiện trạng phần đất đang tranh chấp:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, kết hợp so sánh bản đồ lâm nghiệp 163: Phần đất tranh chấp được chia thành 2 phần, gồm phần đất bằng và phần đất dốc (đất triền đồi).

-Phần đất bằng có diện tích 708,7 m², có vị trí tiếp giáp: Phía Tây Bắc dài 37,81m, tiếp giáp phần đất ông Q đang sử dụng gồm các thửa 158, 172 (được quy chủ cho ông Q); Phía Đông Bắc dài 11,07m, tiếp giáp đất ông Q đang sử dụng trên thực tế; phía Tây Nam dài 11,85m, tiếp giáp đất tranh chấp (phần đất dốc); phía Đông Nam dài 71,47m, tiếp giáp đất ông H (thuộc thửa 185). Tọa lạc trên đất là 02 bụi tre, một số bụi chè và cây keo do ông H trồng.

-Phần đất dốc (đất triền đồi) có diện tích 1006,6 m², có vị trí tiếp giáp: Phía Tây Bắc dài 40,77m, tiếp giáp phần đất ông Q đang sử dụng trên thực địa nhưng lại thuộc thửa 186 (được quy chủ cho ông Nguyễn Văn M); Phía Đông Bắc dài 18,11m, tiếp giáp đất ông Q đang sử dụng và đất tranh chấp (phần đất bằng); phía Đông dài 19,39m, tiếp giáp đất ông H đang sử dụng trên thực địa nhưng lại thuộc thửa 186 (được quy chủ cho ông Nguyễn Văn M); phía Nam dài 55,19m, tiếp giáp đất phần đất ông Minh đang sử dụng (thửa 186); phía Tây Nam dài 19,31m, tiếp giáp phần đất ông Q đang sử dụng trên thực địa nhưng lại thuộc thửa 186 (được quy chủ cho ông Nguyễn Văn M). Tọa lạc trên đất là các bụi mít và cây keo do ông H trồng.

Tổng diện tích đất đang tranh chấp (vùng đất bằng và vùng đất dốc) là 1715,3m².

[2.2.3] Về ranh giới các phần đất tranh chấp:

Về phần bằng phẳng: Vào năm 1990, giữa gia đình ông Q và gia đình ông Th (chủ đất cũ) có thỏa thuận về ranh giới đất, thể hiện bằng “Giấy xác nhận điều chỉnh ranh giới thỏa thuận 02 hộ” do chính ông Q viết, mô tả ranh giới sử dụng đất giữa hộ ông Q và ông Th. (Trích): *“Hộ ông Th... muốn có ít đất bằng để làm màu nằm dưới chân đồi mà ông Q đã sẽ phát xin được nhường lại, ông Q đồng ý thuê bộ đội Trung đoàn 1 đào hào theo ý ông Th... để đảm bảo được sự đoàn kết lâu dài sau này. Chúng tôi làm giấy này căn cứ thực thi khi trồng cây phải cách tim cận (con hào) 01 mét đến 1,5 mét...”*. Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/10/2024, ông Q khai nhận việc lập “Giấy xác nhận điều chỉnh ranh giới thỏa thuận 02 hộ” bởi lý do: Ông Th cần đất trồng màu, ông Q nhường lại cho ông Th một phần đất. Do đó, hai bên đã thống nhất điều chỉnh lại ranh giới, ông Q đã thuê bộ đội đào hào làm ranh giới giữa hai bên. Lời khai của ông Q phù hợp với nội dung “Giấy xác nhận điều chỉnh ranh giới thỏa thuận 02 hộ”. Đường hào này chính là ranh giới hiện nay giữa phần đất tranh chấp (phần đất bằng) với đất mà ông Q đang sử dụng. Tuy nhiên, những lời khai sau đó ông Q lại cho rằng: Mặc dù làm giấy nhường đất nhưng sự thực ông Q chỉ cho ông Th

mượn đất và việc đào đường hào là dùng để thoát nước chứ không phải đào hào làm ranh giới, thể hiện việc khai trước sau không thống nhất. Hơn nữa, bà Phan Thị Lan (vợ ông Th) không thừa nhận việc gia đình ông Th đã mượn đất của ông Q. Trong quá trình làm việc, gia đình bà Lan cũng đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc chuyển giao đất giữa ông Bùi Văn Thỏa với ông Bùi Trí H (BL 89, 90, 91, 92, 93). Qua so sánh với bản đồ 163, thì phần đất tranh chấp này thuộc thửa 185 (đất được quy chủ là tập thể xóm 15, xã P). Như vậy, việc ông Q khởi kiện yêu cầu gia đình ông Bùi Trí H trả lại phần đất nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần đất dốc: Năm 1999, gia đình ông H sẽ phát cây tự nhiên để canh tác trên đất nhưng không gặp sự phản đối của gia đình ông Q và quá trình trước đó, gia đình ông Q cũng chưa tác động, canh tác gì trên đất. Qua so sánh với bản đồ 163, thì phần đất tranh chấp này thuộc thửa 186 (đất được quy chủ cho ông Nguyễn Văn M). Do đó, việc ông Q khởi kiện đòi lại đất là không có căn cứ.

Qua tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Diện tích 1715,3 m² đất đang tranh chấp giữa gia đình ông Đặng Đình Q với gia đình ông Bùi Trí H không thuộc thửa đất số 172, 158 (quy chủ cho ông Q) mà thuộc các thửa đất số 185 và thửa đất số 186. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình Q là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Qua công tác xem xét tại chỗ, so sánh với bản đồ 163 phát hiện được:

Đối với phần đất tranh chấp: Phần phần đất dốc diện tích 1006,6 m² mà ông H đang sử dụng thuộc thửa 186 – tờ bản đồ số 1 thôn 16 xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An) được quy chủ cho ông Nguyễn Văn M. Tại Tòa, ông Minh không yêu cầu gì nên Tòa không xét.

Phần đất không tranh chấp: Phần đất mà các bên không tranh chấp hiện nay ông Q đang sử dụng là 4047,8 m², phần đất ông H đang sử dụng 406,1 m². Đều thuộc thửa 186 – tờ bản đồ số 1 thôn 16 xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An) được quy chủ cho ông Nguyễn Văn M. Tại Tòa, ông Minh không yêu cầu gì nên Tòa không xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, quan điểm trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do nguyên đơn là người cao tuổi,

có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên miễn án phí cho nguyên đơn Đặng Đình Q. Hoàn trả tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Về chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 4, 11, 26, Luật Đất đai 1993;
- Các Điều 26, 236 Luật Đất đai 2024;
- Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 9 điều 26, điểm a, khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 157, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Đình Q về việc yêu cầu bị đơn Bùi Trí H phải trả lại 1800m2 đất thuộc các thửa đất số 172 và 158, tờ bản đồ số 1 tại khu vực H - Cồn S, thuộc thôn 9, xã P, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là thôn 9 P, xã Anh Sơn), tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Đình Q. Hoàn trả cho ông Đặng Đình Q 200.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp theo BL số 0005835 ngày 27/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, Nghệ An).

- Ông Đặng Đình Q phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Q đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 9 – Nghệ An;
- Đường sự;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSV A+VPTA.

Nguyễn Khắc Dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Dân